

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 08/11/2018

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ
TỈNH LÂM ĐỒNG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thúy Phượng.

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà: Nguyễn Thị Hồng Thuyên.

- Ông: Dương Văn Mạnh.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:
Ông Nông Xuân Hanh - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 11 năm 2018; Tại hội trường Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; Xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 72/2018/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2018 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2018/QĐXX-ST ngày 09 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Rơ C; Sinh năm: 1992

Địa chỉ: Thôn 1, xã S, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Kơ T; Sinh năm: 1987

Địa chỉ: Thôn 1, xã S, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 29 tháng 6 năm 2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa của nguyên đơn bà Rơ C trình bày thì:

Bà và ông Kơ T có quen biết và tìm hiểu nhau khoảng một năm thì quyết định đi đến hôn nhân, ông bà có đăng ký kết hôn vào ngày 18/6/2012 tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, tuy nhiên ông bà không tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán truyền thống. Sau khi kết hôn, ông bà chung sống với nhau tại nhà bố mẹ bà C được

khoảng hai năm. Nhưng cuộc sống vợ chồng ông bà không hòa thuận mà phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do ông T thường xuyên ăn nhậu, không chăm lo cuộc sống gia đình, thiếu trách nhiệm với vợ con. Mặc dù bà đã nhiều lần khuyên bảo nhưng ông T vẫn không thay đổi. Bà và ông T đã ly thân từ năm 2014 cho đến nay. Bà C thấy rằng tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hòa giải được, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, bà C yêu cầu Tòa án giải quyết cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà C yêu cầu ly hôn với ông Kơn T.

Về con chung: Ông bà có với nhau 01 con chung là cháu Rơ Q; Sinh ngày 05 tháng 12 năm 2011. Bà C yêu cầu Tòa án giao con chung cho bà nuôi dưỡng và bà không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Năm 2017 ông bà có vay Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam, phòng giao dịch huyện Đ số tiền 30.000.000 đồng. Số nợ này hiện nay bà vẫn đang trả lãi suất phát sinh theo hợp đồng. Bà xác định trách nhiệm sẽ nhận trả toàn bộ số nợ gốc và lãi phát sinh cho Ngân hàng và đã được Ngân hàng đồng ý.

Ngoài ra, bà không có yêu cầu gì thêm.

Ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án của bị đơn ông Kơn T:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập ông Kơn T nhiều lần nhưng ông T không chấp hành, không đến làm việc theo giấy triệu tập của Tòa án.

Vụ án được Tòa án hòa giải nhưng không được.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký; Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật; Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho bà Rơ C và ông Kơn T được ly hôn; Về con chung: giao con chung là cháu Rơ Q; Sinh ngày 05 tháng 12 năm 2011 cho bà C trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Q đủ 18 tuổi, ông T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về nợ chung bà C cam kết có trách nhiệm trả 30.000.000 đồng cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam, phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đ và Ngân hàng không yêu cầu Tòa án giải quyết khoản nợ trên trong vụ án này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Kơn T được triệu tập hợp lệ lần hai nhưng vắng tại phiên tòa; Căn cứ Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Rơ C và ông Kơn T đã tự nguyện đi đến quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn vào ngày 18/6/2012 tại Ủy ban nhân dân xã Liêng Srônh, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng nên xác định quan hệ hôn nhân giữa bà C và ông T là hợp pháp. Quan hệ hôn nhân giữa bà C và ông T phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hòa hợp, không cùng quan điểm sống, suy nghĩ, ông T không quan tâm chăm sóc, lo toan cho cuộc sống gia đình mà thường xuyên nhậu nhẹt dẫn đến, tình cảm vợ chồng giảm sút nghiêm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được ly hôn của nguyên đơn bà Rơ C.

[3] Về con chung: Bà C và ông T có một con chung là cháu Rơ Q; Sinh ngày 05 tháng 12 năm 2011. Xét thấy bà C yêu cầu giao con chung cho bà trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: Không có.

[5] Về nợ chung: Bà C và ông T có vay Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam, phòng giao dịch huyện Đ số tiền 30.000.000 đồng. Số nợ này hiện nay bà C vẫn đang trả lãi suất phát sinh theo hợp đồng. Bà xác định trách nhiệm sẽ nhận trả toàn bộ số nợ gốc và lãi phát sinh cho Ngân hàng và phía Ngân hàng cũng đồng ý và có đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết số nợ này trong vụ án. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[6] Về án phí: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Buộc nguyên đơn bà Rơ C phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1, Điều 35; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn bà Rơ C và bị đơn ông Kơn T được ly hôn.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Rơ Q; Sinh ngày 05 tháng 12 năm 2011 cho bà Rơ C trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Q đủ 18 tuổi. Ông Kơn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi việc cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Buộc nguyên đơn bà Rơ C phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí bà Rơ C đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0003594 ngày 09 tháng 7 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử theo trình tự phúc thẩm. Bị đơn vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhân:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSNDH. Đ;
- CC THADS H. Đ;
- UBND xã S, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Thúy Phượng